

Bản án số: 459/2022/HS-PT

Ngày: 18/11/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Mai Xuân Thành**.

Các thẩm phán: ông **Phạm Tấn Hoàng** và ông **Lê Tự**.

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Trần Đức Dương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 331/2022/TLPT-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo **La Xuân T** bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có kháng nghị của Viện kiểm sát đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng đối với bị cáo.

La Xuân T; tên gọi khác: không; sinh ngày 15/6/1983 tại Thanh Hóa; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: tổ dân phố V, thị trấn Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Bình; nơi ở: Nhà 803 Khu TC2 chung cư A, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông La Xuân Tr (sinh năm 1952) và bà Ngô Thị H1 (sinh năm 1954); gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ tư; có vợ Trần Thị H2 (sinh năm 1987) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019. tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo La Xuân T: Ông Hà Khánh V1 là Luật sư Văn phòng Luật sư H2 thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng. (Bào chữa theo yêu cầu của Tòa án). Có mặt

- Bị hại: Công ty CP Bất động sản LM; trụ sở công ty: 320 đường Y1, phường H2, quận H3, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật ông Hồ Nguyên Tr1 – Chức vụ Tổng Giám đốc, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Trần Th, Văn phòng luật sư LT thuộc Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 71/17 đường N, phường Y, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:

1/ **Bà Hà Thị Q2**, sinh năm 1975 và **ông Phạm Văn H4**, sinh năm 1970; cùng trú tại: Tổ dân phố số 4, phường HC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Q2 có mặt, ông H4 có mặt.

2/ **Ông Lê Thanh N1**, sinh năm 1978; trú tại: tổ 4, thị trấn Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3/ **Ông Nguyễn Tiến Đ**, sinh năm 1970 và **bà Nguyễn Thị Q4**, sinh năm 1977; cùng trú tại: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

4/ **Ông Nguyễn Quốc H5**, sinh năm 1962 và **bà Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1963; cùng trú tại: 70 đường L1, khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có Mặt.

5/ **Bà Võ Thị H6**, sinh năm 1955; trú tại: 42A Q5, phường Đông H4, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lương Thị Hoài Th1, sinh năm 1986; trú tại: Phường A1, quận S, TP Đà Nẵng. Có Mặt.

6/ **Bà Nguyễn Thị Thu H7**, sinh năm 1987; trú tại: 51 đường L2, phường HT, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lương Thị Hoài Th1, sinh năm 1986; trú tại: Phường A1, quận S, TP Đà Nẵng. Có Mặt.

7/ **Ông Võ Thành Đ**, sinh năm 1960 và **bà Hoàng Thị D**, sinh năm 1970; cùng trú tại: Thôn TH1, xã HT1, huyện L3, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lương Thị Hoài Th1, sinh năm 1986; trú tại: Phường A1, quận S, TP Đà Nẵng. Có Mặt.

8/ **Bà Hồ Thị Việt H8**, sinh năm 1989; trú tại: Số 17 ngõ 69 đường P2, phường Đ2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

9/ **Ông Phạm Anh T2**, sinh năm 1978 và **bà Hoàng Thị L4**, sinh năm 1981; cùng trú tại: Tổ dân phố số 2, số nhà 71 đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Đ2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Ông T2 có mặt.

10/ **Ông Nguyễn Thanh L5 và bà Phạm Thị Thanh H9**; trú tại: Số 56 Bà Triệu, phường Đ2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

11/ Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu; địa chỉ Chi nhánh tại Quảng Bình: số 257 đường T4, phường N2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đăng Th2; Địa chỉ liên lạc: Số 01 T4o, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên. Có mặt.

12/ Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam; địa chỉ Chi nhánh tại Đà Nẵng: Số 304 đường N3, quận T5, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh B1, Chứng minh nhân dân số 201897748 và ông Kiều Tấn Th3, Căn cước công dân số 048093007862; địa chỉ liên lạc: Tầng 11 Tòa nhà Techcombank, 304 – 306 số N3, quận T5, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy ủy quyền số 167-03/2022/UQ-TCB ngày 30/3/2022. Bà Bình có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau

Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư địa ốc HN (sau đây gọi tắt là Công ty HN) thành lập ngày 16/5/2019, mã số thuế 3101069980, trụ sở tại 167 Q5, phường PH, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật là La Xuân T. Vốn điều lệ Công ty đăng ký là 190.000.000.000 đồng.

Ngày 08/5/2019, Công ty HN họp Đại hội cổ đông và có Biên bản số 85/2019/BBHCD-HN thống nhất về việc: Giao ông La Xuân T được đại diện cá nhân hoặc đại diện Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư địa ốc HN được toàn quyền thay mặt các cổ đông để thực hiện việc ký kết các hợp đồng môi giới, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc các thỏa thuận khác với khách hàng, đối tác nhằm thu hồi vốn đầu tư ban đầu; ông La Xuân T chịu hoàn toàn trách nhiệm liên quan đến tất cả các giao dịch của cá nhân hoặc Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư địa ốc HN ủy thác giao dịch đại diện. Trong đó bao gồm các giao dịch huy động phần vốn góp, hợp đồng môi giới, hợp đồng đặt cọc/mua bán các lô đất nằm trong cùng một dự án và các hợp đồng khác có liên quan đến các lô đất tại Dự án hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất Khu dân cư phía Nam đường HV, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; ông La Xuân T được toàn quyền tự quyết mọi vấn đề liên quan đến việc bán hàng/môi giới và chuyển quyền sử dụng đất cho khách hàng mà không cần thiết phải báo cáo với các cổ đông được biết.

Công ty Cổ phần bất động sản LM (sau đây gọi tắt là Công ty L), mã số thuế 0401820779, trụ sở tại số 320 đường Y1, phường H2, quận H3, thành phố Đà Nẵng do ông Hồ Nguyên Tr1 làm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Dự án khu thương mại dịch vụ và dân cư phía Nam đường HV, khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình do UBND thị xã B làm chủ đầu tư; gồm 113 thửa đất ở.

Ngày 08/5/2019, vợ chồng ông La Xuân T - Trần Thị H2 có đơn xin giao đất không thông qua đấu giá đối với 32 thửa đất thuộc dự án trên với giá là 56.275.000.000 đồng và đặt cọc trước 10.020.000.000 đồng. Ngày 30/5/2019, UBND thị xã B ra quyết định số 1009/QĐ - UBND về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá đối với 63 thửa đất, trong đó có giao cho ông La Xuân T và vợ Trần Thị H2 32 thửa đất.

Ngày 23/7/2019, Công ty HN do La Xuân T làm đại diện và Công ty L do ông Hồ Nguyên Tr1 làm đại diện ký kết Hợp đồng dịch vụ môi giới độc quyền số 237/2019HDMG/HN/-LHMT về việc Công ty HN đồng ý cho Công ty L độc quyền phân phối cho 50 thửa đất thuộc dự án Khu dân cư phía Nam HV tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình, đồng thời yêu cầu Công ty L phải ký quỹ trước cho Công ty HN số tiền 5.000.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng này, ngày 12/7/2019, Công ty L đã chuyển vào tài khoản số 53110001888999 của Công ty HN tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là BIDV Việt Nam) số tiền 1.000.000.000 đồng và ngày 23/7/2019 tiếp tục chuyển 4.000.000.000 đồng. Số tiền này ngay sau đó được Công ty HN chuyển vào các tài khoản đều mang tên La Xuân T số 53110001898989 tại BIDV Việt Nam và tài khoản số 176788888 tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Quảng Bình.

Quá trình thực hiện việc môi giới, Công ty L chưa môi giới bán được lô đất nào, nên đến ngày 21/8/2019, tại trụ sở Công ty L tại TP Đà Nẵng, ông Hồ Nguyên Tr1 cùng La Xuân T thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 218/2019/HĐ/LXT-LHMT về việc La Xuân T chuyển nhượng 17 thửa đất thuộc Dự án khu thương mại, dịch vụ và dân cư phía Nam đường HV tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho Công ty L với tổng trị giá là 26.953.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

STT; GCN ký hiệu Số thửa; Tờ bản đồ; Diện tích (m²); Giá chuyển nhượng

1	CS 479787	196	33	184,1	2.362.000.000
2	CS 479786	184	33	197,5	2.525.000.000
3	CS 479785	185	33	133,0	1.437.000.000
4	CS 479784	186	33	133,0	1.437.000.000
5	CS 479783	187	33	133,0	1.437.000.000
6	CS 479782	188	33	133,0	1.437.000.000
7	CS 479773	169	33	133,7	1.444.000.000
8	CS 479772	170	33	133,7	1.444.000.000
9	CS 479771	171	33	133,7	1.444.000.000
10	CS 479770	173	33	133,7	1.444.000.000
11	CS 479769	178	33	140,0	1.506.000.000
12	CS 479766	39	38	140,0	1.506.000.000
13	CS 479765	43	38	140,0	1.506.000.000
14	CS 479764	44	38	140,0	1.506.000.000
15	CS 479763	45	38	140,0	1.506.000.000
16	CS 479758	62	38	140,0	1.506.000.000

17 CS 479757 63 38 140,0 1.506.000.000

Theo nội dung Hợp đồng thì T phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 10/9/2019 cho Công ty L, việc thanh toán được thực hiện 3 đợt như sau:

Đợt 1: Thanh toán 5.000.000.000 đồng khi ký kết hợp đồng. Số tiền này được trừ từ số tiền Công ty L đã chuyển cho ông T để thực hiện hợp đồng môi giới độc quyền bán 50 lô đất theo Hợp đồng số 237/2019/HĐMG/HN-LHMT ngày 23/7/2019 giữa hai bên.

Đợt 2: Thanh toán 19.913.000.000 đồng khi ông T nộp tiền sử dụng đất vào Kho bạc nhà nước vào ngày 23/8/2019 theo Quyết định số 1009/QĐ/UBND ngày 30/5/2019 của UBND thị xã B.

Đợt 3: Thanh toán 2.040.000.000 đồng khi ông T ra công chứng chuyển nhượng toàn bộ 17 lô đất cho Công ty L tại phòng công chứng.

Thực hiện Hợp đồng đã ký kết, ngày 23/8/2019 Công ty L chuyển vào tài khoản số 5311000189898 của ông La Xuân T tại BIDV Việt Nam số tiền 20.957.754.725 đồng. Tổng cộng, La Xuân T đã nhận từ Công ty L số tiền 25.957.754.725 đồng.

Sau khi nhận được tiền, T chuyển vào tài khoản số 53210000275939 của Chi cục thuế khu vực Quảng Trạch - B, thị xã B, số giao dịch là 1429 ngày 23/8/2019 để thực hiện nghĩa vụ tài chính bao gồm: Nộp phí trước bạ, tiền sử dụng đất, phí phạt do chậm nộp tiền sử dụng đất.

Ngày 28 và ngày 29/8/2019, UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã cấp 32 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Dự án khu thương mại, dịch vụ và dân cư phía Nam đường HV cho La Xuân T và vợ là Trần Thị H2, trong đó có 17 lô đất mà La Xuân T đã ký Hợp đồng cam kết chuyển nhượng cho Công ty L.

Trước đó, vào ngày 17/5/2019 bà Trần Thị H2 đã ra công chứng lập các “Văn bản thỏa thuận về tài sản riêng của vợ chồng” thỏa thuận nội dung La Xuân T là chủ các lô đất tại Dự án khu thương mại, dịch vụ và dân cư phía Nam đường HV, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (bao gồm 17 lô mà La Xuân T đã ký Hợp đồng cam kết chuyển nhượng cho Công ty L).

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, La Xuân T không làm thủ tục chuyển nhượng cho Công ty L như thỏa thuận tại Hợp đồng số 218/2019/HĐ/LXT-LHMT mà làm thủ tục chuyển nhượng cho các cá nhân sau :

- Ngày 05/9/2019 tại Văn phòng Công chứng HV, tỉnh Quảng Bình, La Xuân T ký hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Văn H4 (SN: 1970) và bà Hà Thị Q2 (SN: 1975), cùng trú tại: phường HC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế 05 thửa đất số 169, 171, 173, 185, 186. Ngày 29/10/2019, La Xuân T tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng ông H4 - bà Q2 thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38.

Trong quá trình điều tra, T khai không có việc chuyển nhượng 06 lô đất như trên mà do T vay của bà Q2 số tiền là 6.000.000.000 đồng và để đảm bảo cho khoản vay này phải lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như trên, việc vay mượn có sự chứng kiến của bà Đặng Thị Minh K (sinh năm 1976, Trú tại: phường HV1, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế). Quá trình xét cơ quan điều tra có thu giữ một Giấy mượn tiền do T viết nội dung T vay tiền của bà Q2. Bà K xác nhận có việc như T khai. Tuy nhiên, bà Q2 khai mua 06 lô đất trên của La Xuân T với giá tiền 10.500.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Q2 khai trước khi chuyển nhượng đất trên, La Xuân T có vay tiền của bà Q2 nhưng không liên quan đến việc chuyển nhượng đất trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng bà Q2 và La Xuân T, nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình.

Kết quả định giá xác định 06 lô đất mà T thế chấp cho bà Q2 có giá trị là 9.357.600.000 đồng.

- Ngày 17/9/2019, La Xuân T, ông Lê Thanh N1 (SN: 1978, HKTT: xã Duy Ninh, huyện Q1, tỉnh Quảng Bình) và Công ty HN do ông Trịnh Quốc Việt làm đại diện lập “Văn bản thỏa thuận”, nội dung nhờ ông N1 đứng tên nhận chuyển nhượng 07 thửa đất số 39, 43, 44, 45, 62, 170, 178 để vay ngân hàng phục vụ các hoạt động kinh doanh của Công ty HN do La Xuân T bị nợ quá hạn không vay được, La Xuân T hoặc Công ty HN chịu trách nhiệm thanh toán lãi suất và các chi phí phát sinh khác liên quan đến khoản vay mà ông N1 đứng thay.

Ngày 20/11/2019, tại Văn phòng Công chứng HV, tỉnh Quảng Bình, La Xuân T ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Lê Thanh N1 03 thửa đất số 43, 44, 45. Ngày 10.12.2019, La Xuân T tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Lê Thanh N1 04 thửa đất số 39, 62, 170, 178 tờ bản đồ số 33.

Các thửa đất này được ông Lê Thanh N1 dùng thế chấp vay tiền ngân hàng và chuyển nhượng cho người khác, cụ thể như sau :

+ Ngày 07/12/2019, ông N1 thế chấp 03 thửa đất số 43, 44, 45 cho Ngân hàng TMCP ACB - chi nhánh Quảng Bình vay số tiền 3.000.000.000 đồng. Đến ngày 28/4/2020, Lê Thanh N1 giải chấp khoản vay thế chấp thửa đất số 43 và ký chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quốc H5 (SN 1962) và bà Nguyễn Thị Đ (SN 1963) - cùng trú khu phố 3, phường B, thị xã B tỉnh Quảng Bình với giá 1.386.000.000 đồng.

+ Ngày 19/02/2020, Lê Thanh N1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hải L6 (SN 1982) và bà Nguyễn Thị Thúy P2 (SN 1984) - cùng trú tại Q5, thị xã B, tỉnh Quảng Bình 03 thửa đất số 62, 170, 178 với giá 3.600.000.000 đồng. Hiện các lô đất này đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B làm thủ tục sang tên cho ông Nguyễn Hải L6 và bà Nguyễn Thị Thúy P2.

+ Ngày 19/02/2020, Lê Thanh N1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tiến Đ (SN 1970) và bà Nguyễn Thị Q4 (SN 1977) - cùng trú khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình thửa đất số 39 với giá 1.286.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Thanh N1 khai mua của La Xuân T 07 lô đất trên và thực hiện việc thế chấp vay tiền tại Ngân hàng và chuyển nhượng như trên, không có việc T nhờ đứng tên đối với 07 thửa đất trên. Đối với biên bản thỏa thuận được T làm đề ngày 17/9/2019 có chữ ký của ông N1 thì ông N1 cho rằng T nói ký để làm việc với cơ quan điều tra nên ông N1 ký. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng ông N1 và La Xuân T, nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Kết quả giám định chữ ký thì đều xác định chữ ký trên Văn bản thỏa thuận đề ngày 17/9/2019 là của N1 và T có sự chứng kiến của ông Trịnh Quốc Việt. Ông N1 khai không biết T gian dối chiếm đoạt 17 lô đất trên của Công ty L, do ông T không tiếp tục đưa tiền để ông N1 trả lãi Ngân hàng và trả cho những người cho vay tiền nên ông N1 đã chuyển nhượng cho những người khác để lấy tiền trả nợ.

Kết quả định giá xác định 07 lô đất mà T khai nhờ N1 đứng tên có giá trị là 10.917.200.000 đồng.

- Ngày 20/12/2019, La Xuân T thế chấp cho bà Võ Thị H6 (SN: 1955, HKTT: 42A đường Q5, phường Đồng Hải, TP Đ1, tỉnh Quảng Bình) 04 thửa đất vay số tiền 3.800.000.000 đồng, trong đó có 02 thửa đất số 187, 188. T viết giao cho bà H6 “Giấy vay tiền” đề ngày 20/12/2019, nội dung vay của bà H6 số tiền 3.800.000.000 đồng trả lãi theo tháng, thời hạn thời hạn vay 60 ngày từ ngày 20/12/2019 đến ngày 19/02/2020, nếu không trả đúng hạn thì bà Võ Thị H6 có quyền bán 04 thửa đất nói trên.

- Ngày 17/01/2020, La Xuân T thế chấp cho bà Võ Thị H6 02 thửa đất số 196, 184 vay số tiền 2.700.000.000 đồng. T viết giao cho bà H6 “Giấy vay tiền” đề ngày 17/01/2020, nội dung vay của bà H6 số tiền 2.700.000.000 đồng trả lãi theo tháng, thời hạn thời hạn vay 60 ngày từ ngày 17/01/2020 đến 17/3/2020, nếu không trả đúng hạn thì bà Võ Thị H6 có quyền bán 02 thửa đất nói trên.

Do T không có tiền trả nợ theo thời hạn cam kết trong các giấy vay tiền nên ngày 23/11/2020, bà Võ Thị H6 chuyển nhượng thửa đất số 165, 187 cho bà Nguyễn Thị Thu H7 (trú số 51 đường L2, phường HT, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) với giá 2.300.000.000 đồng và chuyển nhượng thửa đất số 188, 164 cho ông Võ Thành Đ và bà Hoàng Thị D - cùng trú xã HT1, huyện L3, tỉnh Quảng Bình với giá 2.400.000.000 đồng.

Kết quả định giá xác định 04/6 lô đất mà T khai thế chấp cho bà H6 có giá trị là 8.220.428.800 đồng.

- Toàn bộ số tiền từ việc chuyển nhượng, thế chấp 17 thửa đất trên, La Xuân T khai chi dùng cho hoạt động của Công ty HN và dùng trả nợ. Theo Công văn số 1710/CT-KK ngày 08/7/2020 của Cục thuế tỉnh Quảng Bình thì:

Từ khi thành lập đến quý 2/2020 Công ty HN chưa phát sinh doanh thu và chưa thông báo phát hành hóa đơn với cơ quan thuế.

Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng giám định chữ viết, chữ ký trên các tài liệu thu giữ bao gồm: Hợp đồng cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 218/2019/HĐ/LXT-LHMT (ký hiệu A); Tài liệu ký nhận 32 Giấy chứng nhận QSDĐ (ký hiệu A1, A2, A3); Biên bản cam kết ngày 10/12/2019 (ký hiệu A2, A3); Văn bản thỏa thuận ngày 17/9/2019 (ký hiệu A1).

Theo Kết luận giám định số 27/GĐ-TL ngày 13/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Chữ ký mang tên La Xuân T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A đến so với chữ ký của La Xuân T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người ký ra.

Theo Kết luận giám định số 13/GĐ-TL ngày 19/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: 32 (ba mươi hai) chữ ký, chữ viết mang tên La Xuân T trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký, chữ viết của La Xuân T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 do cùng một người ký và viết ra.

Theo Kết luận giám định số 59/GĐ-TL ngày 31/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Chữ ký, chữ viết trực tiếp có mực màu xanh mang tên La Xuân T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ ký, chữ của La Xuân T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M7 do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết trực tiếp có mực màu xanh mang tên Lê Thanh N1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ ký, chữ viết của Lê Thanh N1 trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M8 đến M19 do cùng một người ký và viết ra.

Ngày 22/10/2021, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Đà Nẵng Yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Bình tiến hành định giá 17 thửa đất tại Dự án quy hoạch chi tiết khu thương mại, dịch vụ và dân cư phía Nam đường HV, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 4025/STC-KLĐG ngày 11/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Bình kết luận: Trị giá 17 thửa đất là 28.495.228.800 đồng (Hai mươi tám tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi tám ngàn, tám trăm đồng). Cụ thể như sau:

STT theo kết luận định giá	GCN ký hiệu	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Giá
1	CS 479787	196	33	184,1	2.461.048.800
2	CS 479786	184	33	197,5	2.640.180.000

3	CS 479785	185	33	133,0	1.559.600.000
4	CS 479784	186	33	133,0	1.559.600.000
5	CS 479783	187	33	133,0	1.559.600.000
6	CS 479782	188	33	133,0	1.559.600.000
7	CS 479773	169	33	133,7	1.559.600.000
8	CS 479772	170	33	133,7	1.559.600.000
9	CS 479771	171	33	133,7	1.559.600.000
10	CS 479770	173	33	133,7	1.559.600.000
11	CS 479769	178	33	140,0	1.559.600.000
12	CS 479766	39	38	140,0	1.559.600.000
13	CS 479765	43	38	140,0	1.559.600.000
14	CS 479764	44	38	140,0	1.559.600.000
15	CS 479763	45	38	140,0	1.559.600.000
16	CS 479758	62	38	140,0	1.559.600.000
17	CS 479757	63	38	140,0	1.559.600.000

* Tang tài vật thu giữ :

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đồng, không rõ số Imei.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung S20 Untral màu đen, số Imei : 354896/11/CO34823/7.

- 01 ô tô nhãn hiệu Cadilac, BKS 43A-389.23, số khung 638X7R416369, số máy 67R416369 đứng tên La Xuân T.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu BMW, BKS 43-192.54, số khung WBA3X11080GV30461, số máy A2240988N20B20B đứng tên La Xuân T.

* Tài sản kê biên : Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Đà Nẵng ban hành các Lệnh kê biên tài sản số 04 ngày 29/01/2021, số 06 ngày 22/7/2021 và số 07 ngày 22/7/2021 kê biên các tài sản sau :

- 12 thửa đất gồm thửa số 63, 39, 43, 185, 173, 171, 186, 169, 196, 184, 187, 188 (tờ bản đồ số 33 và 38) tại Dự án quy hoạch chi tiết khu thương mại, dịch vụ và dân cư phía Nam đường HV, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Thửa đất số 333b tờ bản đồ số 6 tại Tiểu khu 4 thị trấn Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Bình;

- Thửa đất số 148 tờ bản đồ số 5 tại thị trấn N4, huyện B3, tỉnh Quảng Bình;

Các thửa đất bị kê biên trên hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã có Văn bản đề nghị Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có thẩm quyền tỉnh Quảng Bình tạm dừng thủ tục đăng ký biến động tên người nhận quyền sử dụng đất. (Văn đứng tên La Xuân T hoặc Lê Thanh N1)

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã có các Quyết định thu giữ đồ vật, tài liệu là bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến các thửa đất bị kê biên nêu trên, nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị Q2 và ông Phạm Văn H4 (06 lô) ông Nguyễn Quốc H5 và bà Nguyễn Thị Đ (01 lô); ông Nguyễn Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Q4 (01 lô); bà Nguyễn Thị Thu H7 (01 lô 187); ông Võ Thành Đ và bà Hoàng Thị D (01 lô 188); bà Võ Thị H6 (02 lô 196, 184)..., nhưng những người này không giao nộp mà thể hiện ý kiến chờ quyết định của Tòa án.

- Đối với các thửa đất số 44, 45 tờ bản đồ số 38 tại Dự án B và thửa đất số 334, tờ bản đồ số 6 (tại địa chỉ tiểu khu 4, thị trấn Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Bình, GCNQSDĐ, QSHNO và TSGLVĐ số CR 379186 đứng tên Lê Thanh N1): Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q1, tỉnh Quảng Bình đang tổ chức thi hành bản án số 01/2021/TCDS-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q1, tỉnh Quảng Bình theo Quyết định Thi hành án số 260/QĐ-CCTHADS ngày 17/6/2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q1, tỉnh Quảng Bình. Ngày 14/7/2021, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Đà Nẵng có Công văn số 2469/VPCQCSĐT gửi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q1, tỉnh Quảng Bình đề nghị trong quá trình thi hành bản án liên quan đến 3 lô đất này, ngoài số tiền phải thi hành, phần còn lại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q1 chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Đà Nẵng số 3941.0.1012230.00000 thuộc Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng để giải quyết trong vụ án này.

- Đối với 03 thửa đất số 62, 170, 178, ngày 19/02/2020, Lê Thanh N1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hải L6 và bà Nguyễn Thị Thúy P2 với giá 3.600.000.000 đồng, các thửa đất này đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B làm thủ tục sang tên cho ông Nguyễn Hải L6 và bà Nguyễn Thị Thúy P2; cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP Đà Nẵng không kê biên các thửa đất này.

* Phần dân sự: Đại diện Công ty Cổ phần bất động sản LM yêu cầu La Xuân T trả lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt và các lợi ích có liên quan.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS-ST N 21/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Nẵng đã quyết định.

Tuyên bố: Bị cáo La Xuân T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: La Xuân T 16 (Mười sáu) năm tù”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 18 tháng 11 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật dân sự; Điều 360, 361, 418, 419, 357 và 468 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo La Xuân T phải bồi thường cho Công ty cổ phần bất động sản LM số tiền là 38.936.632.087 đồng (Trong đó: số tiền bị chiếm đoạt là 25.957.754.725 đồng và tiền phạt vi phạm theo Điều 4.1 của Hợp đồng số 218 ngày 21/8/2019 là 12.978.877.362 đồng).

Bản án còn quyết định xử lý vật chứng án phí quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người liên quan đồng thời giải quyết để tuyên vô hiệu các quan hệ về hợp đồng giao dịch trong vụ án giữa bị cáo T với những người liên quan.

Trong thời hạn luật định bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo như sau:

1/ Bị cáo La Xuân T kháng cáo vì cho rằng bản án sơ thẩm chưa phù hợp và mức án đối với bị cáo là quá nặng nên bị cáo kháng cáo để vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

2/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Hồ Thị Việt H8 kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trả lại chiếc xe ô tô biển số 43A-398.23 hiệu Cadillac** màu trắng đã chuyển sang cơ quan thi hành án dân sự. Đồng thời đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hành vi lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà Hà và bị cáo La Xuân T của ông Lê Thanh N1 trong việc đem bán tài sản mà bị cáo T đã bán cho bà Hà.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc H5 và bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; tuyên bố hợp đồng cam kết số 218 vô hiệu; công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 8 tại Dự án đô thị Nam HV, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình giữa ông H5, bà Đ với Lê Thanh N1 là hợp pháp; việc kê biên 14 thửa đất và các tài sản khác của bị cáo là để thi hành án cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chứ không phải một mình Công ty L.

4/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2 kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu của bị hại Công ty L và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng; sửa bản án sơ thẩm và công nhận các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 06 thửa số 169, 171, 173, 185, 186, 63 giữa ông H4, bà Q2 với La Xuân T là hợp pháp.

5/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh N1 kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; việc tuyên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến ông N1 vô hiệu là không đúng;

việc kê biên các thửa đất của bị cáo là để thi hành án cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chứ không phải một mình Công ty L.

6/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L5 và bà Phạm Thị Thanh H9 kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu của bị hại Công ty L và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng; sửa bản án sơ thẩm và công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa số 333b, tờ bản đồ số 6 tại tiểu khu 4 thị trấn Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Bình giữa ông L5, bà H9 với Lê Thanh N1 là hợp pháp.

7/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Q4 kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu của bị hại Công ty L và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng; sửa bản án sơ thẩm và công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa số 39, tờ bản đồ số 38 tại khu phố 1 phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình giữa ông Đ, bà Q4 với Lê Thanh N1 là hợp pháp.

8/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H7 kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; tuyên bố hợp đồng cam kết số 218 vô hiệu; Chấp nhận ý kiến của Đại diện VKS không xem xét đến các quyền lợi gián tiếp và các quyền lợi theo Hợp đồng số 218; không chấp nhận số tiền phạt vi phạm theo Điều 4.1 của Hợp đồng số 218; Việc kê biên 14 thửa đất và các tài sản khác của bị cáo là để thi hành án cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chứ không phải một mình Công ty L; công nhận hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất theo Giấy chứng nhận số CS 479783 và số CS 479777 do UBND thị xã B cấp ngày 29/8/2019, đồng thời cho phép tiếp tục làm thủ tục sang tên 02 lô đất trên cho bà H7.

9/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Anh T2 và bà Hoàng Thị L4 kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải tỏa kê biên thửa đất số 148, tờ bản đồ số 5 tại thị trấn N4, tỉnh Quảng Bình và đưa ra khỏi bản án.

10/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành Đ và bà Hoàng Thị D kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; tuyên bố hợp đồng cam kết số 218 vô hiệu; Chấp nhận ý kiến của Đại diện VKS không xem xét đến các quyền lợi gián tiếp và các quyền lợi theo Hợp đồng số 218; không chấp nhận số tiền phạt vi phạm theo Điều 4.1 của Hợp đồng số 218; Việc kê biên 17 thửa đất của bị cáo là để thi hành án cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chứ không phải một mình Công ty L; Công nhận hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất theo Giấy chứng nhận số CS 479782 và số CS 479778 do UBND thị xã B cấp ngày 29/8/2019, đồng thời cho phép tiếp tục làm thủ tục sang tên 02 lô đất trên cho ông Đ và bà D.

11/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H6: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; tuyên bố hợp đồng cam kết số 218 vô hiệu; Chấp nhận ý kiến của Đại diện VKS không xem xét đến các quyền lợi gián tiếp

và các quyền lợi theo Hợp đồng số 218; không chấp nhận số tiền phạt vi phạm theo Điều 4.1 của Hợp đồng số 218; Việc kê biên 14 thửa đất của bị cáo là để thi hành án cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chứ không phải một mình Công ty L; Công nhận hợp đồng chuyển **nhượng 02 thửa đất theo Giấy chứng nhận số CS 479786 và số CS 479787, đồng thời tiếp tục cho phép làm thủ tục sang tên 04 thửa đất theo Giấy chứng nhận số CS 479783, CS 479782, CS 479777, CS 479778** cho bà H7 và vợ chồng ông Đ, bà D.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có bản Kháng nghị số 13/QĐ – VC2 kháng nghị Bản án; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bị cáo phải chịu 12.978.877.326 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng và án phí dân sự như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, Viện kiểm sát sửa đổi một phần kháng nghị; đề nghị Toà án phúc thẩm tuyên huỷ án sơ thẩm.

Trong phần phát biểu quan điểm của mình, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, huỷ bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, đồng thời Luật sư cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả 17 lô đất cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Tại phiên toà hôm nay bị hại là Công ty L vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên toà. Xét thấy trong vụ án này bị hại không kháng cáo, đồng thời đây là phiên toà lần thứ 2 bị hại vắng mặt, mặt khác tại phiên toà hôm nay bên bị hại có Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại có mặt tại phiên toà; Do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị hại theo quy định chung.

[1] La Xuân T đã có hành vi lợi dụng lòng tin, lạm dụng sự tín nhiệm của Công ty L, lợi dụng Hợp đồng dịch vụ môi giới độc quyền số 237 ngày 23/7/2019 và Hợp đồng cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 218 ngày 21/8/2019 ký kết với Công ty L để nhận được của Công ty L tổng số tiền 25.957.754.725 đồng, sử dụng số tiền này nộp cho Chi cục thuế huyện B, từ đó được Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình giao cho 17 thửa đất kèm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các lô đất này. Lẽ ra, theo thỏa thuận tại Hợp đồng đến ngày 10/9/2019, T phải làm thủ tục công chứng chuyển nhượng 17 lô đất trên cho Công ty L, nhưng T đã dùng thủ đoạn gian dối cố tình không thực

hiện đúng Hợp đồng, không thông báo bằng Văn bản về việc đơn phương dừng thực hiện cam kết, cũng không thực hiện việc tranh chấp Hợp đồng đến Tòa án có thẩm quyền, mà thực hiện hành vi nhờ người khác đứng tên, cầm cố, thế chấp các lô đất theo Hợp đồng ủy quyền, hoặc làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 17 lô đất trên cho nhiều cá nhân khác nhau để lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, mặc dù Công ty L đã có đơn tố cáo từ ngày 12/12/2019, thậm chí khi Công an mời làm việc T đã ký Biên bản làm việc đề ngày 25/12/2019 cam kết sẽ làm thủ tục chuyển nhượng các lô đất trên cho Công ty L vào ngày 03/01/2020 hoặc trả lại số tiền 25.957.754.725 đồng cùng với 2.000.000.000 đồng tiền bồi thường có sự chứng kiến của Cơ quan Công an, nhưng trước và sau thời điểm cam kết T không thực hiện mà vẫn định đoạt, tẩu tán các lô đất trên (chuyển nhượng cho bà Hà Thị Q2 5 lô vào ngày 05/9/2019 trước cả ngày 10/9/2019 là thời điểm mà T đã cam kết sẽ chuyển nhượng cho Công ty L), thậm chí còn tẩu tán cả những tài sản khác, dẫn đến hiện nay T mất hoàn toàn khả năng thanh khoản; kết quả xác minh của Cơ quan điều tra hiện T không còn sở hữu bất kỳ một tài sản có giá trị nào. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 4025/STC-KLDG ngày 11/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Bình (theo ủy thác của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP Đà Nẵng) kết luận: Trị giá 17 thửa đất trên là 28.495.228.800 đồng.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, bị cáo La Xuân T bị toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự, là có căn cứ đúng pháp luật, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo có nội dung cho rằng; quan hệ giữa bị cáo và công ty L là quan hệ dân sự là không có căn cứ được chấp nhận.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy; Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ; chiếm đoạt số tiền lớn và gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản của Công ty L, ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh doanh nói chung và môi trường kinh doanh bất động sản nói riêng. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét đến nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo 16 năm tù theo khoản 4 Điều 175 BLHS là phù hợp và không nặng. Tại phiên toà phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để áp dụng cho bị cáo được hưởng; do vậy đơn kháng cáo của bị cáo có nội dung xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét Kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về số tiền mà toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại xét thấy.

[3.1] Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 25.957.754.725 đồng cho Công ty Cổ phần bất động sản LM là có căn cứ đúng pháp luật; bởi vì đây là số tiền Công ty LM đã chuyển cho bị cáo theo thoả thuận và bị cáo đã chiếm đoạt.

Đối với số tiền bồi thường thiệt hại 12.978.877.362 đồng là tiền phạt vi phạm theo Điều 4.1 của Hợp đồng thoả thuận số 218 ngày 21/8/2019, mà Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần bất động sản LM là chưa đúng với quy định của pháp luật bởi lẽ: Theo quy định tại Điều 589 Bộ luật dân sự quy định về căn cứ phát sinh nghĩa vụ bồi thường là do hành vi trái pháp luật gây ra “thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra”; chính vì vậy trong vụ án này việc bồi thường thiệt hại phải căn cứ vào quy định về “trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo quy định của Bộ luật dân sự mới đúng. Đồng thời người bị thiệt hại phải có nghĩa vụ chứng minh thiệt hại do hành vi trái pháp luật của bị cáo gây ra. Do vậy kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về nội dung nêu trên là có căn cứ được chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo của các ông bà: Nguyễn Quốc H5, Nguyễn Thị Đ, Phạm Văn H4, Hà Thị Q2, Lê Thanh N1, Nguyễn Thanh L5, Phạm Thị Thanh H9, Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Thị Q4, Nguyễn Thị Thu H7, Võ Thành Đ, Hoàng Thị D, Võ Thị H6:

Xét các kháng cáo đều có nội dung yêu cầu không tuyên huỷ và đề nghị công nhận các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo La Xuân T, Trần Thị H2 với Lê Thanh N1; giữa Lê Thanh N1 với Nguyễn Thị Thúy P2 và ông Nguyễn Hải L6; giữa Lê Thanh N1 với ông Nguyễn Quốc H5 và bà Nguyễn Thị Đ; giữa Lê Thanh N1 với ông Nguyễn Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Q4; giữa Lê Thanh N1 với ông Nguyễn Thanh L5 và bà Phạm Thị Thanh H9; các giao dịch Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với bà Hà Thị Q2 và ông Phạm Văn H4; hợp đồng ủy quyền giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với bà Võ Thị H6 và các Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà Võ Thị H6 với bà Nguyễn Thị Thu H7, với ông Võ Thành Đ và bà Hoàng Thị D; hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với ông Phạm Anh T2 và bà Hoàng Thị L4.

Các ý kiến đều cho rằng các giao dịch chuyển nhượng khi bị cáo đã có GCNQSD đất và đã qua công chứng, do vậy đề nghị Toà án công nhận việc chuyển nhượng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài sản giao dịch trong các Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, Hợp đồng ủy quyền,... giữa bị cáo với những người liên quan nêu trên là các thửa đất mà La Xuân T đã nhận tiền và cam kết chuyển nhượng cho Công ty L, (*giữa 02 bên có lập thoả thuận chuyển nhượng và La Xuân T khi đó chưa có GCNQSD đất*) do

vậy tài sản nêu trên liên quan đến hành vi phạm tội của La Xuân T. Bản án sơ thẩm tuyên vô hiệu các giao dịch nêu trên là có căn cứ. Trong giao dịch trên lỗi hoàn toàn thuộc về La Xuân T, tuy nhiên khi tuyên vô hiệu giao dịch nêu trên, Bản án sơ thẩm không giải quyết hậu quả và trách nhiệm dân sự của giao dịch vô hiệu trong cùng vụ án hình sự là chưa giải quyết triệt để vụ án, ảnh hưởng quyền và lợi ích của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bởi lẽ khi có GCNQSD đất thì giữa những người liên quan nêu trên mới giao dịch với bị cáo, đồng thời những lô đất trên cũng là đối tượng giao dịch giữa bị cáo và những người có quyền lợi liên quan. Trong vụ án này những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu Toà án công nhận việc chuyển nhượng đất giữa họ với bị cáo, là yêu cầu cao hơn so với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu. Vì vậy Bản án sơ thẩm cho rằng những người liên quan không yêu cầu về bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu nên không giải quyết là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Thấy rằng: Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải trả tiền chiếm đoạt và tiền phạt vi phạm hợp đồng, đồng thời tuyên kê biên các tài sản có liên quan đến giao dịch với những người liên quan để đảm bảo thi hành án thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho phía hại mà không giải quyết đồng thời về nghĩa vụ dân sự của bị cáo đối với quan hệ dân sự với người liên quan khi tuyên giao dịch vô hiệu là không công bằng, ảnh hưởng tới quyền lợi của họ. Xét thấy hành vi của bị cáo gây ra thiệt hại cho bị hại và những người liên quan là có thật; tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm áp dụng việc bồi thường thiệt hại không đúng đối với người bị hại như đã nêu trên và không giải quyết vấn đề dân sự khi tuyên hợp đồng vô hiệu cũng như thiệt hại (nếu có) cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Xét thấy: những vi phạm sai sót như trên tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích vật chất hài hoà giữa bị hại, và những người có quyền lợi liên quan đến tài sản phạm tội và đã giao dịch thông qua công chứng; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải huỷ một phần bản án hình sự nêu trên về trách nhiệm dân sự gắn liền với việc bồi thường thiệt hại và những giao dịch giữa bị cáo với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Giao hồ sơ về cho Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại theo quy định. Do vậy đơn kháng cáo của các ông bà: Nguyễn Quốc H5, Nguyễn Thị Đ, Phạm Văn H4, Hà Thị Q2, Lê Thanh N1, Nguyễn Thanh L5, Phạm Thị Thanh H9, Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Thị Q4, Nguyễn Thị Thu H7, Võ Thành Đ, Hoàng Thị D, Võ Thị H6 và kháng nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận.

[3.3] Xét kháng cáo của ông Phạm Anh T2 và bà Hoàng Thị L4 kháng cáo yêu cầu huỷ lệnh kê biên đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 5 tại thị trấn N4, tỉnh Quảng Bình và đưa ra khỏi bản án. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xác định thửa đất số 148 tờ bản đồ số 5 tại thị trấn N4, huyện B3, tỉnh Quảng Bình là tài sản chung của vợ chồng La Xuân T; thửa đất này không liên quan đến vụ án nhưng được La Xuân T, Trần Thị H2 chuyển nhượng cho ông Phạm Anh T2 và bà Hoàng Thị L4 với giá tiền là 1.150.000.000 đồng vào ngày 24/4/2020, sau khi bị Công ty L tố giác tội phạm. (Ngày 12 tháng 12 năm 2019).

Toà án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo có dấu hiệu tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ về tài sản với Công ty L, hiện thửa đất trên chưa được đăng ký biến động sang tên, do vậy Toà án cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu giao dịch giữa bị cáo và vợ chồng ông T2 bà L4 (*đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP Đà Nẵng kê biên và có Văn bản yêu cầu yêu cầu Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có thẩm quyền tỉnh Quảng Bình dừng việc sang tên đối với thửa đất này*). Đơn kháng cáo của ông T2 bà L4 đề nghị được huỷ bỏ lệnh kê biên và công nhận hợp đồng là không có cơ sở được chấp nhận. Tuy nhiên Bản án sơ thẩm không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T2 bà L4; do vậy xét thấy cũng cần huỷ nội dung quyết định nêu trên để giải quyết lại là phù hợp. Trong trường hợp Toà án tuyên vô hiệu giao dịch nêu trên thì phải giải quyết về trách nhiệm dân sự, quyền lợi cho người nhận chuyển nhượng trước, số tiền còn lại khi bán tài sản nếu còn dư mới thực hiện nghĩa vụ khác của bị cáo.

[3.4] Xét kháng cáo của Bà Hồ Thị Việt H8 yêu cầu trả lại chiếc xe biển số 43A – 3982.3 thì thấy: Bản án sơ thẩm nhận định rằng “tài sản nêu trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo” do vậy xét thấy chiếc xe biển số 43A – 3982.3 không phải là vật chứng của vụ án. Thấy rằng giữa bị cáo và bà H8 đã có hợp đồng mua bán tài sản qua công chứng trước ngày bị cáo có hành vi phạm tội, hợp đồng mua bán xe qua công chứng đã có hiệu lực pháp luật, do vậy cần phải tuyên trả xe cho bà H8 là phù hợp; nhưng Toà án sơ thẩm lại áp dụng khoản 4 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự về xử lý vật chứng để giải quyết là không đúng pháp luật. Xét thấy cần huỷ nội dung nêu trên để Toà án sơ thẩm giải quyết lại cho đúng pháp luật.

[4] Về ý kiến của VKS tại phiên toà phúc thẩm đối với việc kê biên tài sản của cơ quan điều tra, xét thấy: trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã ra lệnh kê biên một số tài sản là các thửa đất mà giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã xác lập hợp đồng qua công chứng để đảm bảo thi hành án. Xét thấy như đã nhận định nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo có nghĩa vụ trả cho bị hại 38.936.632.087 đồng, nhưng không giải quyết vấn đề dân sự trong giao dịch giữa bị cáo với người liên quan, mà tuyên kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án cho bị hại là không đúng. Thấy rằng các giao dịch giữa bị cáo với người liên quan cần phải tuyên huỷ bản án sơ thẩm như đã nhận định nêu trên, do vậy việc kê biên theo thủ tục tố tụng hình sự là không phù hợp; Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ huỷ quyết định về xử lý vật chứng của Bản án sơ

thẩm đề Toà án cấp sơ thẩm xem xét lại việc kê biên tài sản của cơ quan điều tra khi giải quyết toàn diện những yêu cầu về dân sự của bị hại và người liên quan.

[5]. Về án phí: Bị cáo La Xuân T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

I/ Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo La Xuân T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS - ST ngày 21/6/2022 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng về tội danh và hình phạt đối với bị cáo La Xuân T.

Tuyên bố: Bị cáo La Xuân T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: La Xuân T 16 (Mười sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 18 tháng 11 năm 2020.

II/ Chấp nhận kháng nghị số 13/QĐ - VC2 Ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của các ông, bà: Nguyễn Quốc H5, Nguyễn Thị Đ; Phạm Văn H4, Hà Thị Q2; Lê Thanh N1; Nguyễn Thanh L5, Phạm Thị Thanh H9; Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Thị Q4; Nguyễn Thị Thu H7; Võ Thành Đ, Hoàng Thị D; Võ Thị H6; Hồ Thị Việt H8; Phạm Anh T2, Hoàng Thị L4.

Huỷ một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2022/HS – ST ngày 21/6/2022 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng về những nội dung của quyết định như sau, để giao hồ sơ về cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại cho đúng với quy định của pháp luật:

Nội dung huỷ bao gồm:

“2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật dân sự; Điều 360, 361, 418, 419, 357 và 468 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo La Xuân T phải bồi thường cho Công ty cổ phần bất động sản LM số tiền là 38.936.632.087 đồng (Trong đó: số tiền bị chiếm đoạt là 25.957.754.725 đồng và tiền phạt vi phạm theo Điều 4.1 của Hợp đồng số 218 ngày 21/8/2019 là 12.978.877.362 đồng).

3. Về biện pháp bảo đảm bồi thường: Căn cứ Điều 117, 122, 123, 124, 131, 133 và Điều 503 Bộ luật dân sự:

3.1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với ông Lê Thanh N1 đối với thửa đất số 43 tờ bản đồ số 38 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng HV, tỉnh Quảng Bình (số 324 T, phường N2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 10142, quyển số 2 ngày 20/11/2019 là vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Lê Thanh N1 với vợ chồng ông Nguyễn Quốc H5 và bà Nguyễn Thị Đ đối với thửa đất số 43 tờ bản đồ số 38 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng TV (đường P3, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 1049, quyển số 1 ngày 28/4/2020 là vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Quốc H5 và bà Nguyễn Thị Đ phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 479765, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03960 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/8/2019, chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã B chỉnh lý biến động ngày 27/11/2019 chuyển nhượng cho ông Lê Thanh N1 theo hồ sơ số 006107.CN.001, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, Lê Thanh N1, vợ chồng Nguyễn Quốc H5 và bà Nguyễn Thị Đ.

3.2. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với ông Lê Thanh N1 đối với thửa đất số 39 tờ bản đồ số 38 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng HV, tỉnh Quảng Bình (số 324 T, phường N2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 10802, quyển số 2 ngày 10/12/2019 là vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Lê Thanh N1 với vợ chồng ông Nguyễn Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Q4 đối với thửa đất số 39 tờ bản đồ số 38 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng TV, tỉnh Quảng Bình (số 402 Q5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 275, quyển số 1 ngày 19/02/2020 là vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Q4 phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 479766, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03961 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/8/2019, chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã B chỉnh lý biến động ngày 18/12/2019 chuyển nhượng cho ông Lê Thanh N1 theo hồ sơ số 003961.CN.001, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các

đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, Lê Thanh N1, vợ chồng Nguyễn Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Q4.

3.3. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với bà Hà Thị Q2 và ông Phạm Văn H4 đối với thửa đất số 173 tờ bản đồ số 33 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng HV, tỉnh Quảng Bình (số 324 T, phường N2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 7829, quyển số 2 ngày 05/9/2019 là vô hiệu. Buộc ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2 phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 479770, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03964 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/8/2019, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, vợ chồng ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2.

3.4. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với bà Hà Thị Q2 và ông Phạm Văn H4 đối với thửa đất số 185 tờ bản đồ số 33 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng HV, tỉnh Quảng Bình (số 324 T, phường N2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 7831, quyển số 2 ngày 05/9/2019 là vô hiệu. Buộc ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2 phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 479785, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03979 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/8/2019, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, vợ chồng ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2.

3.5. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với bà Hà Thị Q2 và ông Phạm Văn H4 đối với thửa đất số 171 tờ bản đồ số 33 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng HV, tỉnh Quảng Bình (số 324 T, phường N2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 7830, quyển số 2 ngày 05/9/2019 là vô hiệu. Buộc ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2 phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 479771, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03965 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/8/2019, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, vợ chồng ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2.

3.6. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với bà Hà Thị Q2 và ông Phạm Văn H4 đối với thửa đất số 169 tờ bản đồ số 33 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng HV, tỉnh Quảng Bình (số 324 T, phường N2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 7833, quyển số 2 ngày 05/9/2019 là vô hiệu. Buộc ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2 phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 479773, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03967 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/8/2019, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, vợ chồng ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2.

3.7. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với bà Hà Thị Q2 và ông Phạm Văn H4 đối với thửa đất số 186 tờ bản đồ số 33 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng HV, tỉnh Quảng Bình (số 324 T, phường N2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 7832, quyển số 2 ngày 05/9/2019 là vô hiệu. Buộc ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2 phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 479784, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03978 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/8/2019, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, vợ chồng ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2.

3.8. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với bà Hà Thị Q2 và ông Phạm Văn H4 đối với thửa đất số 63 tờ bản đồ số 38 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng HV, tỉnh Quảng Bình (số 324 T, phường N2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 9532, quyển số 2 ngày 29/10/2019 là vô hiệu. Buộc ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2 phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 479757, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03952 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/8/2019, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, vợ chồng ông Phạm Văn H4 và bà Hà Thị Q2.

3.9. Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với bà Võ Thị H6 đối với thửa đất số 188 tờ bản đồ số 33 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1,

phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng HV, tỉnh Quảng Bình (số 324 T, phường N2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 11.138, quyển số 2 ngày 20/12/2019 là vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa La Xuân T, Trần Thị H2, Võ Thị H6 với ông Võ Thành Đ và bà Hoàng Thị D đối với thửa đất số 188 tờ bản đồ số 33 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng TK, tỉnh Quảng Bình (số 119 đường L7, phường Đ2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 4715, quyển số 11/2020 ngày 23/11/2020 là vô hiệu. Buộc ông Võ Thành Đ và bà Hoàng Thị D phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 479782, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03976 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/8/2019, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, bà Võ Thị H6, vợ chồng ông Võ Thành Đ và bà Hoàng Thị D.

3.10. Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với bà Võ Thị H6 đối với thửa đất số 187 tờ bản đồ số 33 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng HV, tỉnh Quảng Bình (số 324 T, phường N2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 11.139, quyển số 2 ngày 20/12/2019 là vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa La Xuân T, Trần Thị H2, Võ Thị H6 với bà Nguyễn Thị Thu H7 đối với thửa đất số 187 tờ bản đồ số 33 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng TK, tỉnh Quảng Bình (số 119 đường L7, phường Đ2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 4710, quyển số 11/2020 ngày 23/11/2020 là vô hiệu. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H7 phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 479783, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03977 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/8/2019, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, bà Võ Thị H6, và bà Nguyễn Thị Thu H7.

3.11. Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với bà Võ Thị H6 đối với thửa đất số 184 tờ bản đồ số 33 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng TV, tỉnh Quảng Bình (đường P3, phường ĐN, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 126, quyển số 01 ngày 17/01/2020 là vô hiệu. Buộc bà Võ Thị H6 phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 479786, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03980 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/8/2019, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, bà Võ Thị H6.

3.12. Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với bà Võ Thị H6 đối với thửa đất số 196 tờ bản đồ số 33 – Địa chỉ thửa đất: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng TV, tỉnh Quảng Bình (đường P3, phường ĐN, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 127, quyển số 01 ngày 17/01/2020 là vô hiệu. Buộc bà Võ Thị H6 phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 479787, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03981 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/8/2019, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, bà Võ Thị H6.

3.13. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Lê Thanh N1 với ông Nguyễn Thanh L5 và bà Phạm Thị Thanh H9 đối với thửa đất số 333b tờ bản đồ số 6 – Địa chỉ thửa đất: Tiểu khu 4, thị trấn Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng TV, tỉnh Quảng Bình (đường P3, phường ĐN, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 3326, quyển số 02 ngày 14/9/2020 là vô hiệu. Buộc ông Nguyễn Thanh L5 và bà Phạm Thị Thanh H9 phải giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 902090, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H00117 do Ủy ban nhân dân huyện Q1, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 20/11/2007, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q1 **chỉnh lý biến động** ngày 11/10/2018 tiếp tục sử dụng đất trồng cây hàng năm khác; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q1 chỉnh lý biến động ngày 19/7/2019 chuyển nhượng cho ông Lê Thanh N1 theo hồ sơ số 19719.CN.309, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này và các nghĩa vụ về tài sản khác (nếu có) của La Xuân T. Giành quyền khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Lê Thanh N1, vợ chồng ông Nguyễn Thanh L5 và bà Phạm Thị Thanh H9.

3.14. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa La Xuân T, Trần Thị H2 với ông Phạm Anh T2 và bà Hoàng Thị L4 đối với thửa đất số 148 tờ bản đồ số 5 – Địa chỉ thửa đất: Thị trấn N4, huyện B3, tỉnh Quảng Bình; được Văn phòng công chứng HV, tỉnh Quảng Bình (số 324 T, phường N2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình) công chứng chứng thực số 2860, quyển số 01 ngày 24/4/2020 là vô hiệu. Buộc ông Phạm Anh T2 và bà Hoàng Thị L4 phải giao

nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 634394, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00290 do Ủy ban nhân dân huyện B3, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 15/12/2011, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B3 chỉnh lý biến động ngày 09/5/2019 chuyển nhượng cho ông La Xuân T theo hồ sơ số 000290.CN.0011, để đảm bảo thi hành án trong vụ án này và các nghĩa vụ về tài sản khác (nếu có) của La Xuân T. Giành quyền khởi kiện về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại, giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu cho các đương sự có liên quan gồm La Xuân T, Trần Thị H2, vợ chồng ông Phạm Anh T2 và bà Hoàng Thị L4.

4. Về xử lý tang vật chứng và biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 89, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý như sau:

- Đối với 01 ô tô nhãn hiệu Cadilac, BKS 43A-389.23, số khung 638X7R416369, số máy 67R416369; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 43A – 389.23; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới BKS 43A – 389.23; 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS 43A – 389.23 đều đứng tên La Xuân T và 01 chìa khóa xe ô tô (Hiện Cục thi hành án dân sự TP Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 24/01/2022). Căn cứ khoản 4 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyen giao cho Cục thi hành án dân sự TP Đà Nẵng tiếp tục tạm giữ, và Giành quyền khởi kiện tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản, tranh chấp quyền sở hữu về tài sản cho bà Hồ Thị Việt H8 và La Xuân T, Trần Thị H2 trong một vụ án khác.

*** Tiếp tục kê biên để đảm bảo thi hành án các tài sản sau:**

- 12 thửa đất gồm thửa số 63, 39, 43 tờ bản đồ số 38 và các thửa đất số 185, 173, 171, 186, 169, 196, 184, 187, 188 tờ bản đồ số 33 tại Dự án quy hoạch chi tiết khu thương mại, dịch vụ và dân cư phía Nam đường HV, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Thửa đất số 333b tờ bản đồ số 6 tại Tiểu khu 4 thị trấn Q, huyện Q1, tỉnh Quảng Bình.

- Thửa đất số 148 tờ bản đồ số 5 tại thị trấn N4, huyện B3, tỉnh Quảng Bình.

Theo các Lệnh kê biên tài sản số 04 ngày 29/01/2021, số 06 ngày 22/7/2021 và số 07 ngày 22/7/2021 của Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Đà Nẵng”.

III. Về án phí: Bị cáo La Xuân T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai đã thu tạm ứng án phí tại Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng cụ thể:

Nguyễn Quốc H5 và Nguyễn Thị Đ biên lai số 0005008, Võ Thị H6 biên lai số 0005011, Nguyễn Thị Thu H7 biên lai số 0005010, Võ Thành Đ và bà Hoàng Thị D biên lai số 0005009 ngày 14/7/2022; Phạm Văn H4 và Hà Thị Q2 biên lai số 0065003 ngày 12/7/2022; Lê Thanh N1 biên lai số 0005013 ngày 15/8/2022; Nguyễn Thanh L5 và Phạm Thị Thanh H9 biên lai số 0005002, Phạm Anh T2 và Hoàng Thị L4 theo biên lai thu số 0004999 ngày 11/7/2022; Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Thị Q4 theo biên lai số 0005012 ngày 15/7/2022; Hồ Thị Việt H8 theo biên lai thu số 0005016 ngày 18/7/2022.

Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - CA TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA TP Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành